

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-PT

Ngày 23/4/2019

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà và ông Lại Văn Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLPT- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do bản án Hôn nhân gia đình số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trịnh Mạnh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Tiểu đoàn ..., trung đoàn ..., Sư đoàn ..., Quân đoàn .., xã B , huyện S, thành phố H.

2. Bị đơn: Chị Lại Thị Thúy N, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3. Người kháng cáo: Chị Lại Thị Thúy N là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và hòa giải tại Tòa án nguyên đơn Anh Trịnh Mạnh T có quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Mạnh T và Chị Lại Thị Thúy N lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam ngày 14/8/2017. Việc kết hôn cũng được gia đình hai bên cho tổ chức

cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị N về chung sống tại nhà anh T tại xã N, huyện K được 01 tháng 14 ngày thì chị N về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn 1, xã P, thành phố P ở. Do đặc thù công việc anh T là bộ đội đi làm xa nhà nên vợ chồng anh không thường xuyên sinh sống với nhau. Khi chị N về nhà bố mẹ đẻ ở thì thỉnh thoảng khi về nhà anh T có xuống nhà bố mẹ chị N để thăm vợ con. Đến khoảng tháng 02 năm 2018 vào dịp Tết âm lịch thì chị N có về nhà anh T ở được khoảng 01 tuần thì sau đó lại về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh xác định tháng 5 năm 2018, vợ chồng anh chị mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cách sống, cách suy nghĩ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra, chị N còn cãi nhau với cả bố mẹ anh, có những lời lẽ xúc phạm bố mẹ anh. Chị N còn nhiều lần có đơn khiếu nại, tố cáo anh gửi đến đơn vị nơi anh công tác gây ảnh hưởng đến danh dự, công việc của anh. Anh xác định vợ chồng anh chị sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể cứu vãn nổi nữa nên anh xin được ly hôn với Chị Lại Thị Thúy N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con trai là cháu Trịnh Mạnh P, sinh ngày 11/9/2017 do chị N đang nuôi dưỡng và do cháu còn quá nhỏ mới hơn 01 tuổi nên khi vợ chồng anh ly hôn thì anh đề nghị giao cháu Trịnh Mạnh P cho chị N nuôi dưỡng.

Con riêng, con nuôi: Vợ chồng anh không có.

Về tài sản chung: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Vợ chồng anh không có công nợ chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, hoà giải tại Toà án Chị Lại Thị Thúy N có quan điểm: Chị nhất trí với phần trình bày của anh T về thời gian, điều kiện, địa điểm kết hôn, thời gian chung sống tại nhà anh T là đúng. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị là do anh T có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác và người phụ nữ nói chuyện với anh T đã xui anh T ly hôn chị. Ngoài ra, khi con chị được 03 tháng thì bố mẹ anh T đã làm ngã con chị nhưng không cho con chị đi khám chứ thực tế vợ chồng chị không có mâu thuẫn gì cả. Hiện nay, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2018 đến nay, chị thấy anh T xin ly hôn chị vì lý do ngoại tình là không chính đáng nên chị không đồng ý ly hôn với anh T. Chị xin được đoàn tụ vì chị vẫn còn tình cảm với anh T.

Về con chung: Chị N xác định cháu P là con riêng của chị nên chị đã thay đổi họ của cháu P từ Trịnh Mạnh P thành Lại Trịnh Mạnh P.

Con chung, con nuôi: Vợ chồng chị không có.

Về tài sản chung: Chị đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng chị theo quy định của pháp luật.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà sơ thẩm:

Anh T có quan điểm: Về hôn nhân anh vẫn cương quyết xin ly hôn với chị N vì mâu thuẫn của vợ chồng anh đã thật sự trầm trọng, không thể cứu vãn được nữa. Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 01 con trai chung là cháu Trịnh Mạnh P, sinh ngày 11/9/2017, vì anh và chị N có quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2016, anh tính thời gian quan hệ cho đến thời điểm chị N sinh con là phù hợp và cháu Trịnh Mạnh P sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng anh. Khi ly hôn, anh đề nghị giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Trịnh Mạnh P và vì chị N không cần, không nhận tiền anh cấp dưỡng nuôi con chung nên anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị N. Các vấn đề khác anh không đề nghị giải quyết.

Chị N có quan điểm: Về hôn nhân chị vẫn không đồng ý ly hôn với anh T vì anh T có biểu hiện ngoại tình với người phụ nữ khác và chị xin đoàn tụ vợ chồng vì chị vẫn còn tình cảm với anh T. Về con: chị đề nghị xác định con trai chị sinh ngày 11/9/2017 không phải là con chung của chị và anh T vì chị và anh T đã chia tay từ năm 2015, không hề qua lại với nhau cho đến tháng 8 năm 2017 thì đăng ký kết hôn nên chị không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chị. Về tài sản chung và công nợ chung chị không đề nghị giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm 04/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 143; điều 144; điều 147; điều 227; điều 271; điều 273; điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử ly hôn giữa: Anh Trịnh Mạnh T và Chị Lại Thị Thúy N.

[2] Về con chung: Giao Chị Lại Thị Thúy N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trịnh Mạnh P,

sinh ngày 11/9/2017. Anh Trịnh Mạnh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Lại Thị Thúy N.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung: Anh T và chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về công nợ chung: Anh T và chị N không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Trong thời hạn luật định, ngày 18/02/2019, chị N kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét bác đơn xin ly hôn của Anh Trịnh Mạnh T, xem xét lại việc kết hôn giữa chị và anh T có đúng pháp luật không; về con chung chị đề nghị xem xét vợ chồng chị không có con chung mà chỉ có con riêng của chị; về tài sản chung đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị N xin rút nội dung kháng cáo về tài sản chung của vợ chồng. Chị xác định tình cảm vợ chồng với anh T vẫn còn, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn ly hôn của anh T để vợ chồng chị được đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Về con chung: Chị xác định cháu Trịnh Mạnh P là con riêng của chị, không phải là con chung của anh T, sau khi xét xử sơ thẩm chị và anh T đã làm thủ tục đổi họ của cháu P sang họ mẹ. Quan điểm của chị N: Cháu P là con riêng của chị nhưng nếu Tòa án xác định cháu P là con chung của chị và anh T thì chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị là 3.000.000đ/tháng.

Anh T có quan điểm: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N không tìm được tiếng nói chung nên việc vợ chồng hàn gắn là không thể, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị N. Về con chung: Anh xác định cháu P là con chung của anh và chị N, sau khi xét xử sơ thẩm theo yêu cầu của chị N, anh và chị N đã làm thủ tục đổi họ của cháu P sang họ mẹ. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị N là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm anh T nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Lại Thị Thúy N trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận để xem xét theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của Chị Lại Thị Thúy N:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Mạnh T và Chị Lại Thị Thúy N kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam vào ngày 14/8/2017, việc kết hôn của anh chị thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị thường xuyên sống xa nhau do điều kiện anh T công tác trong quân đội. Quá trình chung sống một thời gian vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Anh T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách sống, cách suy nghĩ nên thường xuyên cãi nhau, chị N còn có những lời lẽ xúc phạm bố mẹ anh. Bên cạnh đó, chị N còn nhiều lần có đơn khiếu nại, tố cáo anh gửi đến đơn vị nơi anh công tác gây ảnh hưởng đến danh dự, công việc của anh. Chị N xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh chị đều xác định vợ chồng sống ly thân từ 9 năm 2018 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị N xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng anh chị sống chung được hơn 1 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống, chị N không tin tưởng anh T dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N là người mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn lại mối quan hệ của vợ chồng, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa Anh Trịnh Mạnh T và Chị Lại Thị Thúy N là phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy kháng cáo của chị N đề nghị bác đơn xin ly hôn của anh T và xem xét lại cuộc hôn nhân giữa chị và anh T là không có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Cháu Trịnh Mạnh P, sinh ngày 11/9/2017 được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, anh T xác định cháu P là con chung của anh với chị N. Chị N xác định cháu P là con riêng của chị, chị không đề nghị trưng cầu giám

định gien đối với cháu P, nếu Tòa án quyết định trưng cầu giám định gien của cháu P với anh T thì chị cũng không đồng ý vì điều này là ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu P. Chị N xác định cháu P không phải là con chung của chị và anh T mà chỉ là con riêng của chị nhưng chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cháu P không phải là của anh T và chị. Nên, có cơ sở xác định cháu Trịnh Mạnh P là con chung của anh T và chị N và do cháu Trịnh Mạnh P còn nhỏ mới được hơn 01 tuổi, cần có sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Trịnh Mạnh P cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị N có quan điểm: Nếu Tòa án xác định cháu P là con chung của chị và anh T thì chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cho chị là 3.000.000đ/tháng. Anh T trình bày hiện tại thu nhập của anh là tiền lương sỹ quan quân đội khoảng hơn 7 triệu một tháng, chi phí trong tháng hết hơn 2 triệu còn lại khoảng 5 triệu nên anh nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Xét thấy mức cấp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ là phù hợp nên được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chị N xin rút nội dung kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét giải quyết tài sản chung của vợ chồng. Xét thấy việc rút nội dung này của chị N là tự nguyện nên Hội đồng không xem xét.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị Lại Thị Thúy N không phải chịu theo quy định của pháp luật. Anh T phải chịu án phí đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo của Chị Lại Thị Thúy N về phần cấp dưỡng nuôi con chung, sửa một phần bản án sơ thẩm số 04/2019/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143, 144, 147, 227, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 88, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa: Anh Trịnh Mạnh T và Chị Lại Thị Thúy N.

2. Về con chung: Giao Chị Lại Thị Thúy N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Trịnh Mạnh P, sinh ngày 11/9/2017. Anh Trịnh Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng Chị Lại Thị Thúy N là 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc, thăm nom con chung.

3. Án phí:

3.1 Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Chị N không phải nộp, trả lại cho chị N số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002007 ngày 21/2/2019 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý.

3.2 Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trịnh Mạnh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án hôn nhân và gia đình phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. \

Nơi nhận:

- VKSDN tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Phù Vân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San

